

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL AIRLINE TRAVEL AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: INTERNATIONAL AIRLINE TRAVEL AND TRADING.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109361131

3. Ngày thành lập: 01/10/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 801, Tầng 8, Tòa nhà Lucky, Số 81 Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác)	4530
2.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
3.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
4.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
6.	Bốc xếp hàng hóa	5224
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) + Kinh doanh hàng miễn thuế + Bán buôn các loại nhựa, hạt nhựa; + Bán buôn phân bón + Bán buôn hóa chất phục vụ ngành dệt may (trừ loại hóa chất Nhà nước cấm)	4669
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: + Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; + Kinh doanh các mặt hàng cơ, kim khí, đồ điện tử, điện lạnh, điện dân dụng; + Kinh doanh phương tiện vận tải, hàng công nghiệp thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ du lịch, hàng không;	4659
9.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	4633

10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: + Đại lý vận chuyển giao nhận hàng hoá bằng đường không, đường biển và đường bộ; + Đại lý bán vé máy bay, đại lý bán vé tàu hoả;	5229
11.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Đào tạo lái xe, đào tạo kỹ năng chăm sóc người già, người tàn tật; + Đào tạo: tin học, ngoại ngữ.	8559
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: +Bán buôn các thiết bị giặt là + Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; + Bán buôn hàng gia dụng và các mặt hàng tiêu dùng.	4649
13.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.	4632
14.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ	0899
15.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
16.	Xây dựng nhà để ở	4101
17.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
18.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, +Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, +Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, +Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng đỡ đỡ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. + Các công việc dưới bề mặt; +Xây dựng bể bơi ngoài trời ; + Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bể ngoài toà nhà; + Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661(Chính)
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Trừ mua bán vàng miếng	4662
21.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Trừ hàng hóa Nhà nước cấm	4690
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: + Bán buôn sắt, thép các loại, thép phế liệu + Bán buôn vật liệu xây dựng	4663
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Xúc tiến và quản lý các sự kiện, tổ chức triển lãm, hội nghị (không bao gồm tổ chức họp báo và các chương trình Nhà nước cấm)	8230

24.	In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm)	1811
25.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
26.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
27.	Phá dỡ	4311
28.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
31.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
32.	Xây dựng nhà không để ở	4102
33.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933
34.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
35.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Chi tiết: Bán buôn thuốc lá nội	4634
36.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
37.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất (theo quy định tại Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản)	6820
38.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
39.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
40.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (không bao gồm sản xuất phim)	5911
41.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc Chi tiết: +Hoạt động chăm sóc sức khỏe người già +Hoạt động chăm sóc sức khỏe người khuyết tật	8730
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
44.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	7911
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Căn cứ Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)	8299
47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4719

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THANH LONG	Đội 1, Phường Duy Hải, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	168551578	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		

2	NGUYỄN XUÂN VUI	Số 16 Ngách 189/61 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	540.000	5.400.000.000	60,000	038058005483
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	540.000	5.400.000.000	60,000	
3	NGUYỄN VĂN TÁM	Số 70 ngõ 264, đường Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	012448104
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN VUI

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 12/08/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038058005483

Ngày cấp: 16/01/2019

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 16 Ngách 189/61 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 16 Ngách 189/61 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội